

Số: 41/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày 18 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 2)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ X, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương (lần 12);

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 2); Báo cáo thẩm tra số 108/BC-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (lần 2) như sau:

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 33.614 triệu đồng, cụ thể:

a) Kế hoạch vốn của 02 dự án thuộc dự án số 02 (cấp tỉnh điều hành): 10.940 triệu đồng.

b) Kế hoạch vốn của 05 dự án thuộc dự án số 04 (cấp tỉnh điều hành): 1.474 triệu đồng.

c) Kế hoạch vốn của 05 huyện thuộc dự án số 10 (cấp huyện điều hành): 21.200 triệu đồng.

2. Điều chỉnh giảm nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước để bổ sung kế hoạch vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 795 triệu đồng.

3. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 34.409 triệu đồng, cụ thể:

a) Tăng kế hoạch vốn cho 07 huyện thực hiện nội dung số 02 thuộc dự án số 01: 30.975 triệu đồng (trong đó: Ngân sách trung ương 30.480 triệu đồng, ngân sách địa phương 3.048 triệu đồng).

b) Tăng kế hoạch vốn cho 01 huyện thực hiện nội dung số 01 thuộc dự án số 04: 3.434 triệu đồng.

(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)


Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS. 

CHỦ TỊCH



Phương Thị Thanh

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA (lần 2)

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chương trình/dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			KH vốn đã giao 2021 - 2024			Kế hoạch vốn điều chỉnh				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	
		Số Quyết định đầu tư	TMĐT	Trong đó:		Số Quyết định	TMĐT	Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng	Trong đó:		
				NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)				NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		NSTW		NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)
	TỔNG CHƯƠNG TRÌNH MTOC PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐÔNG BẢO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI							285.756	265.661	20.095	136.852	128.354	8.498	30.836	3.573	30.836	3.573	285.756	265.661	20.095	
A	TÍNH ĐIỀU HÀNH		68.049	61.172	6.877	-	21.197	78.989	71.767	7.222	45.895	42.052	3.843	10.595	1.819	-	-	66.575	61.172	5.403	
I	DỰ ÁN 2 - QUY HOẠCH, SẮP XẾP, BỐ TRÍ, ỒN ĐỊNH DÂN CƯ Ở NHỮNG NƠI CẦN THIẾT		22.543	21.540	1.003			33.483	32.135	1.348	22.100	21.300	800	10.595	345	-	-	22.543	21.540	1.003	
1	Dự án Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Công Bằng, huyện Pác Nặm	Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 24/10/2022 và Quyết định số 937/QĐ-UBND ngày 30/5/2024 của UBND tỉnh	10.000	9.500	500			16.000	15.200	800	16.000	15.200	800	5.700	300			10.000	9.500	500	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
2	Bố trí, ổn định dân cư tại chỗ các thôn thuộc xã Đôn Phong, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	Quyết định số 2236/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của UBND tỉnh	12.543	12.040	503			17.483	16.935	548	6.100	6.100		4.895	45			12.543	12.040	503	Ban QLDA ĐTXD CT NN&PTNT
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐÔNG BẢO DTTS&MN		45.506	39.632	5.874	-	21.197	45.506	39.632	5.874	23.795	20.752	3.043	-	1.474	-	-	44.032	39.632	4.400	
	<i>Nội dung 4: Đầu tư cứng hóa đường đến trung tâm xã chưa được cứng hóa; ưu tiên đầu tư đối với các xã chưa có đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã, đường liên xã (từ trung tâm xã đến trung tâm xã)</i>																				
1	Đường Nông Hạ - Khe Thi: ĐH.75	Quyết định số 1873/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của UBND tỉnh	14.686	12.771	1.915		613/QĐ-UBND ngày 10/04/2024	14.519	14.686	12.771	1.915				167			14.519	12.771	1.748	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông
2	Đường từ trung tâm xã Cốc Đán, huyện Ngân Sơn đến xã Thành Công, huyện Nguyên Bình	Quyết định số 1758/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh	7.025	6.109	916		569/QĐ-UBND ngày 04/04/2024	6.678	7.025	6.109	916				347			6.678	6.109	569	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông

STT	Chương trình/dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			KH vốn đã giao 2021 - 2024			Kế hoạch vốn điều chỉnh				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện	
		Số Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó:		Số Quyết định	TMDT	Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng	Trong đó:			
				NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)				NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		
3	Đường Bình Trung-Trung Minh (Tuyên Quang)	Quyết định số 1845/QĐ-UBND ngày 30/9/2022 của UBND tỉnh (Công văn số 6502/UBND-GTCNXD ngày 03/10/2022 của UBND tỉnh)	10.506	9.136	1.370			10.506	9.136	1.370	10.506	9.136	1.370			289			10.217	9.136	1.081	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông
4	Đường liên thôn Phiêng Giản (xã Phúc Lộc) - Lũng Pjầu (Yên Dương)	Quyết định số 2199/QĐ-UBND ngày 14/11/2022 của UBND tỉnh	5.193	4.576	617			5.193	4.576	617	5.193	4.576	617			263			4.930	4.576	354	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông
5	Đường Nghiên Loan - Cỏ Linh	Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND tỉnh	8.096	7.040	1.056			8.096	7.040	1.056	8.096	7.040	1.056			408			7.688	7.040	648	Ban QLDA ĐTXD công trình giao thông
B	HUYỆN ĐIỀU HÀNH							205.972	193.894	12.078	90.957	86.302	4.655	20.241	959	30.836	3.573	219.181	204.489	14.692		
I	DỰ ÁN 1 - GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở, ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT		-	-	-			56.422	51.465	4.957				-	-	27.560	3.415	87.397	79.025	8.372		
	<i>Nội dung số 1, 2, 3: Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất</i>		-	-	-			56.422	51.465	4.957	46.268	42.348	3.920	-	-	27.560	3.415	87.397	79.025	8.372		
1	Huyện Chợ Mới		-	-	-			5.077,5	4.617,5	460,0	4.951	4.523	428			4.360	436	9.874	8.977,5	896	UBND Huyện Chợ Mới	
2	Huyện Chợ Đồn							7.681,0	7.085,0	596,0	7.681	7.085	596			1.400	232	9.313	8.485,0	828	UBND Huyện Chợ Đồn	
3	Huyện Ngân Sơn							5.267,0	4.795,0	472,0	4.137	3.765	372			5.040	504	10.811	9.835,0	976	UBND huyện Ngân Sơn	
4	Huyện Bạch Thông							4.634,0	4.230,0	404,0	3.922	3.590	332			4.200	420	9.254	8.430,0	824	UBND huyện Bạch Thông	
5	Huyện Na Ri							9.900,0	9.020,0	880,0	7.172	6.540	632			1.840	519	12.259	10.860,0	1.399	UBND huyện Na Ri	
6	Huyện Pác Nặm							14.707,0	13.370,0	1.337,0	11.286	10.350	936			2.480	464	17.651	15.850,0	1.801	UBND huyện Pác Nặm	
7	Huyện Ba Bể							9.155,5	8.347,5	808,0	7.119	6.495	624			8.240	840	18.236	16.587,5	1.648	UBND huyện Ba Bể	
II	DỰ ÁN 4 - ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU, PHỤC VỤ SẢN XUẤT, ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS&MN							120.748	114.998	5.750	81.124	76.961	4.163	0	0	3.276	158	124.182	118.274	5.908		
	<i>Nội dung số 01: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu cùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; ưu tiên đối với các xã ĐBKK, thôn ĐBKK</i>							120.748	114.998	5.750	81.124	76.961	4.163	0	0	3.276	158	124.182	118.274	5.908		

STT	Chương trình/dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Quyết định phê duyệt quyết toán		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025			KH vốn đã giao 2021 - 2024			Kế hoạch vốn điều chỉnh				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 sau điều chỉnh			Chủ đầu tư/đơn vị thực hiện
		Số Quyết định đầu tư	TMDT	Trong đó:		Số Quyết định	TMDT	Tổng	Trong đó:		Tổng	Trong đó:		Giảm		Tăng		Tổng	Trong đó:		
				NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)				NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)		NSTW	NSDP (đối ứng ngân sách tỉnh)	
1	Huyện Chợ Đồn						120.748	114.998	5.750	81.124	76.961	4.163			3.276	158	124.182	118.274	5.908	UBND huyện Chợ Đồn	
III	DỰ ÁN 10: TRUYỀN THÔNG, TUYÊN TRUYỀN, VẬN ĐỘNG TRONG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ, KIỂM TRA GIÁM SÁT ĐÁNH GIÁ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH						28.802	27.431	1.371	9.833	9.341	492	20.241	959	0	0	7.602	7.190	412		
1	Huyện Chợ Mới						5.357	5.102	255	1.713	1.627	86	3.475	169			1.713	1.627	86	UBND Huyện Chợ Mới	
2	Huyện Chợ Đồn						5.423	5.165	258	1.735	1.648	87	3.265	158			2.000	1.900	100	UBND huyện Chợ Đồn	
3	Huyện Ngân Sơn						5.927	5.645	282	1.896	1.801	95	4.807	220			900	838	62	UBND huyện Ngân Sơn	
4	Huyện Bạch Thông						5.369	5.113	256	1.717	1.632	85	4.059	200			1.110	1.054	56	UBND huyện Bạch Thông	
5	Huyện Ba Bể						6.726	6.406	320	2.772	2.633	139	4.635	212			1.879	1.771	108	UBND huyện Ba Bể	
C	DỰ PHÒNG						795	-	795	-	-	-	-	795	-	-	-	-	-		
1	Điều chỉnh giảm nguồn chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước để bổ sung NSDP đối ứng thực hiện dự án (từ dự phòng NSDP cấp tỉnh)						795		795					795			-	-	-		